

CHƠI CHỮ

Bài tập

1. Bài tập 1, trang 165, SGK.

2. Bài tập 2, trang 165, SGK.

3. Bài tập 3, trang 166, SGK.

4. Bài tập 4*, trang 166, SGK.

5. a) Lối chơi chữ trong bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan và trong bài ca dao sau khác nhau như thế nào ?

– *Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc*

Thương nhà mới miệng, cái gia gia.

(*Qua Đèo Ngang*)

– *Trăng bao nhiêu tuổi trăng già,*

Núi bao nhiêu tuổi lại là núi non ?

(*Ca dao*)

b) Phân tích cái hay của lối chơi chữ trong bài thơ và bài ca dao trên.

6. Tìm lối chơi chữ trong các câu thơ sau đây :

a) *Cô Xuân mà đi chợ Hạ*

Mua một con cá thu về chợ hầy còn đông.

b) *Chờ em nửa tháng ni (nay) rồi*

Ôm đờn (đàn) bán nguyệt dựa ngói bóng trăng.

Gợi ý làm bài

1. Tìm các từ làm tên gọi của rắn trong bài thơ của Lê Quý Đôn để thấy tác giả vừa chơi chữ đồng âm vừa chơi chữ gần nghĩa (cùng có nghĩa là “rắn”). Ví dụ : *liu diu* : rắn nhỏ, có nọc độc ở hàm trên, đẻ con, sống ở ao hồ, ăn ếch nhái (*Trúng rông lại nở ra rông, Liu diu lại nở ra dòng liu diu* - Ca dao).

2. Câu thứ nhất : tìm những từ có nghĩa gần gũi với *thịt*.

Câu thứ hai : tìm những từ có nghĩa gần gũi với *nứa*.

4.* Muốn hiểu cách chơi chữ trong bài thơ này, cần hiểu thành ngữ Hán Việt *khổ tận cam lai* (*khổ*: đắng, *tận*: hết, *cam*: ngọt, *lai*: đến) có nghĩa là “hết khổ sở đến lúc sung sướng”.

5. a) Chú ý đến nghĩa của các từ *quốc quốc, gia gia* ; mối quan hệ về nghĩa giữa các yếu tố Hán Việt *quốc, gia* với những từ khác trong câu : *nước, nhà*. Chú ý đến nghĩa của từ *núi non* ; nghĩa của tiếng *non* và mối quan hệ về nghĩa giữa *non* với nghĩa của từ *già*. Từ đó rút ra đặc điểm về lối chơi chữ trong hai bài trên (có thể là sự kết hợp nhiều lối chơi chữ chứ không phải chỉ một).

b) Đứng về mặt biểu cảm để phân tích cái hay của mỗi lối chơi chữ trên.

6. Ở câu thứ nhất : chú ý mối quan hệ về nghĩa giữa các yếu tố *Xuân, Hạ, thu, đông*.

Ở câu thứ hai : chú ý đến quan hệ về nghĩa giữa *nửa tháng* và *bán nguyệt*, giữa *trăng* và *nguyệt*.